PHỤ LỤC 1

BẢNG SO SÁNH VÀ GIẢI TRÌNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU NGHỊ ĐỊNH 05/2021/NĐ-CP VỀ QUẢN LÝ, KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

(Kèm theo văn bản số 963 CHK/QLC ngày 01 tháng 03 năm 2023 của Cục HKVN)

TT	Các Điều, khoản sửa đổi, bổ sung	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không	Lý do chỉnh sửa
1	Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP	2. Cục Hàng không Việt Nam ~~trình Bộ Giao thông vận tải~~ quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.	"2. Cục Hàng không Việt Nam quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này."	Bổ sung để phân cấp thẩm quyền quyết định đóng tạm thời CHK từ Bộ GTVT xuống Cục HKVN theo yêu cầu của TTCP tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg
2	Điều 43 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP	**Điều 43. Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng** 1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm:	"**Điều 43. Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng** 1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không	Sửa đổi lại thủ tục hành chính đóng tạm thời CHK theo hướng quy định Cục HKVN có thẩm quyề quyết định việc đóng tạm thời CHK theo phương án phân cấp, phân quyền được

		a) Văn bản đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng cửa tạm thời cảng hàng không, sân bay; b) Bản sao Quyết định phê duyệt dự án cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng của cơ quan có thẩm quyền; c) Bản sao phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường. 2~~. Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay:~~ ~~a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;~~ ~~b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.~~	Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm: a) Văn bản đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng cửa tạm thời cảng hàng không, sân bay; b) Bản sao Quyết định phê duyệt dự án cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng của cơ quan có thẩm quyền; c) Bản sao phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường. 2. Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay: a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp; trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do."	TTCP phê duyệt tại TTCP tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg
3	Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP và khoản 2 Điều 3	2. Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường	"2. Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất	Sửa đổi lại thủ tục hành chính theo hướng phân cấp, phân quyền từ Bộ GTVT xuống Cục

	Nghị định số 64/2022/NĐ-CP	khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không với thời gian đóng quá 24 giờ quy định như sau: a) Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi báo cáo bằng văn bản trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam về việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Báo cáo bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; ~~b) Ngay khi nhận được báo cáo của Người khai thác cảng hàng không, sân bay, Cục Hàng không Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay;~~ c) ~~Trong thời gian 24 giờ khi nhận được tờ trình của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.~~	thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không với thời gian đóng quá 24 giờ quy định như sau: a) Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi báo cáo bằng văn bản trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam về việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Báo cáo bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; b) Trong thời gian 24 giờ khi nhận được văn bản của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do".	HKVN theo phương án phân cấp, phân quyền được TTCP phê duyệt tại TTCP tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg
4	Điều 52 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP và Khoản 6, Khoản 12 Điều 3 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP	**Điều 52. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay** 1. Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua ~~bưu điện~~ hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến	"**Điều 52. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay** 1. Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc	Sửa đổi lại thủ tục hành chính theo hướng phân cấp, phân quyền từ Cục HKVN xuống Cảng vụ hàng không theo phương án phân cấp, phân quyền được TTCP phê duyệt tại TTCP tại

		~~Cục Hàng không Việt Nam.~~ Hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay; bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc bản sao thẻ căn cước công dân hoặc bản sao hộ chiếu của chủ sở hữu cảng hàng không, sân bay là cá nhân. c) Bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay; d) Bản sao tài liệu xác nhận kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay đã hoàn thành các thủ tục nghiệm thu theo quy định về đầu tư xây dựng trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay. 2. Trong trường hợp cảng hàng không, sân bay đang xây dựng, chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến ~~Cục~~	hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay; bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc bản sao thẻ căn cước công dân hoặc bản sao hộ chiếu của chủ sở hữu cảng hàng không, sân bay là cá nhân; c) Bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay; d) Bản sao tài liệu xác nhận kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay đã hoàn thành các thủ tục nghiệm thu theo quy định về đầu tư xây dựng trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay. 2. Trong trường hợp cảng hàng không, sân bay đang xây dựng, chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi	Quyết định số 1015/QĐ-TTg

		~~Hàng không Việt Nam~~. Hồ sơ bao gồm các tài liệu nêu tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này. 3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, ~~Cục Hàng không Việt Nam~~ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, bao gồm các nội dung sau: a) Cảng hàng không, sân bay được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đã được phê duyệt; b) Kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay được xây dựng, nghiệm thu kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và năng lực khai thác; c) Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định đối với việc đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đang xây dựng và năng lực khai thác. 4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, ~~Cục Hàng không Việt Nam~~ đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, ~~Cục~~	trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ bao gồm các tài liệu nêu tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này. 3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, bao gồm các nội dung sau: a) Cảng hàng không, sân bay được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đã được phê duyệt; b) Kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay được xây dựng, nghiệm thu kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và năng lực khai thác; c) Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định đối với việc đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đang xây dựng và năng lực khai thác. 4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cảng vụ hàng không cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay. Trường hợp từ chối	

		~~Hàng không Việt Nam~~ thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do. 5. Chậm nhất 60 ngày sau khi hoàn thành xây dựng, cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời phải được đăng ký theo quy định của Nghị định này. 6. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị mất, hỏng được đề nghị cấp lại. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đến ~~Cục Hàng không Việt Nam~~. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, ~~Cục Hàng không Việt Nam~~ xem xét quyết định cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến người đề nghị. Trường hợp từ chối cấp lại, ~~Cục Hàng không Việt Nam~~ thông báo bằng văn bản lý do từ chối. 7. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị thu hồi trong trường hợp không còn đáp ứng điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.	cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, Cảng vụ hàng không thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay cho chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay, Cảng vụ hàng không báo cáo Cục Hàng không Việt Nam để đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay. 5. Chậm nhất 60 ngày sau khi hoàn thành xây dựng, cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời phải được đăng ký theo quy định của Nghị định này. 6. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị mất, hỏng được đề nghị cấp lại. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đến Cảng vụ hàng không. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, ~~Cảng vụ hàng không~~ xem xét quyết định cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các	

			hình thức khác đến người đề nghị. Trường hợp từ chối cấp lại, Cảng vụ hàng không thông báo bằng văn bản lý do từ chối.. 7. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị thu hồi trong trường hợp không còn đáp ứng điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	
5	Khoản 2, khoản 3 Điều 53 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP và khoản 7, khoản 12 Điều 3 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP	2. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua ~~bưu điện~~ hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến ~~Cục Hàng không Việt Nam~~ bao gồm các tài liệu sau đây: a) Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Bản sao tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi. 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, ~~Cục Hàng không Việt Nam~~ thẩm định việc sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; cấp mới giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến người đề nghị; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đã cấp. Trường hợp từ chối sửa đổi, ~~Cục Hàng không Việt Nam~~ phải thông báo bằng văn bản lý do từ chối.	2. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không bao gồm các tài liệu sau đây: a) Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Bản sao tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi. 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định việc sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; cấp mới giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến người đề nghị; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đã cấp. Trường hợp từ chối sửa đổi, Cảng vụ	Sửa đổi lại thủ tục hành chính theo hướng phân cấp, phân quyền từ Cục HKVN xuống Cảng vụ hàng không theo phương án phân cấp, phân quyền được TTCP phê duyệt tại TTCP tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg

			hàng không phải thông báo bằng văn bản lý do từ chối."	
6	Điều 57 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP và khoản 10, khoản 12, khoản 14 Điều 3 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP	**Điều 57. Thủ tục cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không** 1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến ~~Bộ Giao thông vận tải~~ và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm: a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b)*(được bãi bỏ)* c) Bản sao tài liệu chứng minh về tổ chức bộ máy và danh sách nhân viên đã được cấp giấy phép, chứng chỉ chuyên môn phù hợp; d) Bản chính hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử) văn bản xác nhận vốn; đ) Phương án về trang bị, thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không. 2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, ~~Bộ Giao thông vận tải~~ tổ chức thẩm định, cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này	"**Điều 57. Thủ tục cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không** 1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm: a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Bản sao tài liệu chứng minh về tổ chức bộ máy và danh sách nhân viên đã được cấp giấy phép, chứng chỉ chuyên môn phù hợp; c) Bản chính hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử) văn bản xác nhận vốn d) Phương án về trang bị, thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không. 2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, cấp	Sửa đổi lại thủ tục hành chính theo hướng phân cấp, phân quyền từ Bộ GTVT xuống Cục HKVN theo phương án phân cấp, phân quyền được TTCP phê duyệt tại TTCP tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg

		và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do. 3. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không được cấp lại trong trường hợp mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung trong giấy phép. 4. Tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến ~~Bộ Giao thông vận tải~~ và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm: a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Bản sao các tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi nội dung Giấy phép (nếu có). 5. Đối với Giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, ~~Bộ Giao thông vận tải~~ cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị; trường hợp không cấp lại Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.	Giấy phép kinh doanh cảng hàng không theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do 3. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không được cấp lại trong trường hợp mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung trong giấy phép. 4. Tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm: a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Bản sao các tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi nội dung Giấy phép (nếu có). 5. Đối với Giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu	

		6. Đối với Giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, ~~Bộ Giao thông vận tải~~ có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy phép và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị; trường hợp không cấp lại Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do. 7. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không bị hủy bỏ hiệu lực trong các trường hợp sau đây: a) Cung cấp thông tin không trung thực trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép; b) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về an ninh, quốc phòng; c) Chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của doanh nghiệp; d) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không, điều kiện kinh doanh, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường; đ) Không bắt đầu khai thác cảng hàng không trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép. 8. ~~Bộ Giao thông vận tải~~ ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực của Giấy phép, nêu rõ lý do, thời điểm hủy bỏ hiệu lực của Giấy phép. Doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không phải chấm dứt ngay việc kinh doanh	chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị; trường hợp không cấp lại Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do 6. Đối với Giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy phép và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị; trường hợp không cấp lại Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do. 7. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không bị hủy bỏ hiệu lực trong các trường hợp sau đây: a) Cung cấp thông tin không trung thực trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép; b) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về an ninh, quốc phòng; c) Chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của doanh nghiệp; d) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không, điều kiện kinh doanh, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường; đ) Không bắt đầu khai thác cảng hàng không trong thời gian 12 tháng, kể từ	

		cảng hàng không theo quyết định đã được ban hành. 9. ~~Bộ Giao thông vận tải~~ thông báo về việc cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không cho Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.	ngày được cấp Giấy phép. 8. Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực của Giấy phép, nêu rõ lý do, thời điểm hủy bỏ hiệu lực của Giấy phép. Doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không phải chấm dứt ngay việc kinh doanh cảng hàng không theo quyết định đã được ban hành. 9. Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải việc huỷ bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; thông báo về việc cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không cho Cảng vụ hàng không để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát."	
7	Điều 60 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP và khoản 13 Điều 3 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP	**Điều 60. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam** 1. Người đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua ~~bưu điện~~ hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không, trong đó mô tả sản phẩm và các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;	**"Điều 60. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam** 1. Cảng vụ hàng không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam đối với tổ chức hoạt động tại cảng hàng không, sân bay. 2. Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam cho các tổ chức khác ngoài quy định tại khoản 1 Điều này.	Sửa đổi lại thủ tục hành chính theo hướng phân cấp, phân quyền một phần từ Cục HKVN xuống Cảng vụ hàng không theo phương án phân cấp, phân quyền được TTCP phê duyệt tại TTCP tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg

		b) Bản sao tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng; c) Bản sao các tài liệu liên quan: thiết kế kỹ thuật và chi tiết; vật liệu; phương pháp và quy trình sản xuất; hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng; lắp ráp của sản phẩm; chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính; d) Bản sao biên bản nghiệm thu bàn giao hoặc nghiệm thu hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng; đ) Bản sao biên bản kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng do cơ sở kiểm tra, thử nghiệm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện; e) Báo cáo kết quả khai thác thử theo các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật của sản phẩm. 2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, ~~Cục Hàng không Việt Nam~~ thực hiện các công việc kiểm tra, thử nghiệm cần thiết, quyết định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến tổ chức đề nghị; trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do. Công việc kiểm tra, thử nghiệm bao	3. Người đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc đến Cục Hàng không Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều này, hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không, trong đó mô tả sản phẩm và các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính; b) Bản sao tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng; c) Bản sao các tài liệu liên quan: thiết kế kỹ thuật và chi tiết; vật liệu; phương pháp và quy trình sản xuất; hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng; lắp ráp của sản phẩm; chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính; d) Bản sao biên bản nghiệm thu bàn giao hoặc nghiệm thu hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng; đ) Bản sao biên bản kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng do cơ sở kiểm tra, thử	

		gồm các công việc sau: a) Xác định tính hiệu lực và phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, môi trường được nhà sản xuất áp dụng để chế tạo sản phẩm; b) Kiểm tra thực tế sản phẩm; kiểm tra kết quả nghiệm thu; c) Thẩm định các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật cần thiết chứng minh việc đáp ứng hoặc phù hợp của sản phẩm, với các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; bao gồm cả thông tin về vật liệu và quy trình, phương pháp chế tạo, lắp ráp sản phẩm; d) Kiểm tra kết quả kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng; trong trường hợp cần thiết, thực hiện hoặc yêu cầu người đề nghị cấp giấy chứng nhận thuê tổ chức độc lập đủ khả năng thực hiện các kiểm tra, thử nghiệm cần thiết để kiểm chứng việc tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng; đ) Kiểm tra kết quả khai thác thử. 3. Giấy chứng nhận, đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không có giá trị đối với các thiết bị, phương tiện được sản xuất, lắp ráp, cải tiến theo thiết kế và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.	nghiệm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện; e) Báo cáo kết quả khai thác thử theo các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật của sản phẩm. 4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không (đối với quy định tại khoản 1 Điều này) hoặc Cục Hàng không Việt Nam (đối với quy định tại khoản 2 Điều này) thực hiện các công việc kiểm tra, thử nghiệm cần thiết, quyết định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận cho người đề nghị. Công việc kiểm tra, thử nghiệm bao gồm các công việc sau: a) Xác định tính hiệu lực và phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, môi trường được nhà sản xuất áp dụng để chế tạo sản phẩm; b) Kiểm tra thực tế sản phẩm; kiểm tra kết quả nghiệm thu; c) Thẩm định các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật cần thiết chứng minh việc đáp ứng hoặc phù hợp của sản phẩm, với các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; bao gồm cả thông tin về vật liệu và quy trình, phương pháp chế tạo, lắp ráp sản phẩm;	

			d) Kiểm tra kết quả kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng; trong trường hợp cần thiết, thực hiện hoặc yêu cầu người đề nghị cấp giấy chứng nhận thuê tổ chức độc lập đủ khả năng thực hiện các kiểm tra, thử nghiệm cần thiết để kiểm chứng việc tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng; đ) Kiểm tra kết quả khai thác thử. 5. Giấy chứng nhận, đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không có giá trị đối với các thiết bị, phương tiện được sản xuất, lắp ráp, cải tiến theo thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và có giá trị tại tất cả các cảng hàng không của Việt Nam	
8	Khoản 2 Điều 61 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP	2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua ~~bưu điện~~ hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ bao gồm: a) Văn bản đề nghị cấp biển kiểm soát, trong đó nêu rõ nhu cầu sử dụng phương tiện; năm sản xuất, số seri của phương tiện; phương tiện đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng; b) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ	"2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ bao gồm: a) Văn bản đề nghị cấp biển kiểm soát, trong đó nêu rõ nhu cầu sử dụng phương tiện; năm sản xuất, số seri của phương tiện; phương tiện đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng; b) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường đối với	Bổ sung nội dung điểm b khoản 2 Điều 61 để làm rõ và đơn giản hoá thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Theo đó: -Không phải bất kỳ phương tiện chuyên ngành hàng không nào cũng cần có Giấy cứng nhận chất lượng an toàn toàn kỹ thuật. Tại Thông tư 29/2021/TT-BGTVT thì chỉ có phương tiện nằm trong danh mục 2 mới có GCN này. - Đơn giản hoá thủ tục

		ngày nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát cho phương tiện hoặc có văn bản thông báo lý do từ chối cấp biển kiểm soát cho phương tiện	phương tiện chuyên ngành có quy định phải chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát cho phương tiện hoặc có văn bản thông báo lý do từ chối cấp biển kiểm soát cho phương tiện."	hành chính cho doanh nghiệp, đối với phương thiện mà không cần GCN này thì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không sẽ không phải nộp GCN trong hồ sơ đề nghị cấp biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành.
9	khoản 12 Điều 3 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP	2. Thay thế cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" ~~tại khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 53;~~ khoản 1 Điều 55; ~~khoản 1 Điều 57; khoản 1 Điều 60.~~	12. Thay thế cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" tại khoản 1 Điều 55.	Các nội dung liên quan đến cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" đang quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi cùng các khoản, Điều trong dự thảo Nghị định này. Vì vậy qua rà soát thì cụm từ trên chỉ còn áp dụng cho khoản 1 Điều 55 của Nghị định 05/2021/NĐ-CP, vì vậy cần chỉnh sửa cho đồng bộ.